

Bản án số: 1285/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2020

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 492/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hằng T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: A.1105, chung cư H, số 31, đường P, khu phố Q, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trần Mỹ U, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: A.1105, chung cư H, số 31, đường P, khu phố Q, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 06/4/2020 và bản tự khai ngày 02/6/2020, nguyên đơn ông Huỳnh Hằng T trình bày: Ông và bà Trần Mỹ U tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2010 ngày 06/8/2010;

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều khác biệt về quan điểm sống, tính cách, cách chăm sóc con chung từ đó dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống mà nguyên nhân chủ yếu do bà U

đi làm sớm về khuya, không quan tâm chăm sóc gia đình, tuy vợ chồng không có cự cãi hay xô xát nhau nhưng tình cảm ngày càng xa cách và không có sự tương tác qua lại; xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà U.

Về con chung: Ông T khai vợ chồng có 01 con chung tên: Huỳnh Khiết D, sinh ngày 17/6/2016;

Ông T trình bày: khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung do cháu D hiện do ông trực tiếp chăm sóc và đưa đón đi học mỗi ngày, bản thân ông có thu nhập ổn định từ việc làm ở Trung tâm ngoại ngữ và cho thuê căn nhà trên đường X, Quận Y, mặt khác do đặc thù công việc nên ông có thể chủ động về mặt thời gian để chăm sóc và nuôi dạy tốt con chung; ông T không yêu cầu bà U cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông T khai không có.

Tại bản tự khai ngày 02/6/2020, bị đơn bà Trần Mỹ U trình bày thống nhất với ông T về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng; thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do ông T bản tính cố chấp, thích hưởng thụ, không quan tâm tạo lập kinh tế gia đình, không biết nghĩ cho cảm xúc của người khác, chỉ thích đọc sách và chơi game đến khuya, việc trong gia đình đều dồn đẩy hết trách nhiệm về cho vợ, để mặc bà U làm nhiều công việc khác nhau lo cho gia đình; bà U nhiều lần góp ý, khuyên nhủ nhưng không được ngược lại ông T dùng nhiều lời lẽ, lớn tiếng làm tổn thương bà trong thời gian dài chung sống; kể từ khi sinh con cho đến nay giữa bà và ông T không sinh hoạt vợ chồng; tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách; bà U xác định hiện tại tình cảm không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà U thống nhất với lời khai của ông T, quá trình chung sống, bà và ông T có 01 con chung, tên: Huỳnh Khiết D, sinh ngày 17/6/2016;

Bà U trình bày: bản thân bà là người trực tiếp chăm sóc con chung từ bé, hiện tại cháu đã đi học, dù phải làm nhiều công việc khác nhau nhưng bà vẫn chăm sóc đầy đủ cho con; mỗi ngày dậy sớm, vệ sinh, thay quần áo cho con, cho con ăn sáng xong bà mới giao con cho ông T đưa đi học rồi đi làm (trường học nằm ngay bên dưới căn hộ ông T, bà U đang ở), đến chiều về thì tắm rửa, vệ sinh cho con, cùng ăn tối, chơi đùa và dỗ con ngủ. Bản thân bà có thu nhập ổn định từ việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P với mức lương 22,8 triệu đồng mỗi tháng đồng thời có thêm thu nhập từ công việc bán bảo hiểm nhân thọ qua mạng đủ để trang trải các chi phí sinh hoạt và lo cho con chung ăn học; mặt khác, tuy làm việc giờ hành chính nhưng bà vẫn chủ động được giờ giấc công việc để lo cho con khi đột xuất hoặc khi con ốm đau cần chăm sóc; do đó khi ly hôn, bà U có yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung: Bà U trình bày vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà U khai không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà U, về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị đơn được nuôi con chung; về tài sản chung các bên trình bày tự thỏa thuận và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Huỳnh Hằng T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Mỹ U. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Hằng T và bà Trần Mỹ U kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2010 ngày 06/8/2010 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà U là hợp pháp;

Ông T và bà U cùng có lời khai thống nhất: Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do các bên bất đồng quan điểm trong việc xây dựng đời sống kinh tế gia đình, không hòa hợp về đời sống, tình cảm vợ chồng, cách thức chăm sóc con chung nên vợ chồng dần xa cách, tình cảm phai nhạt dẫn đến việc cùng chung sống dưới mái nhà nhưng việc ai người nấy làm;

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà U là có thật, được các bên thừa nhận; mâu thuẫn này đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân bà U cũng có nguyện vọng được ly hôn do đó cần chấp nhận cho ông T được ly hôn, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông T và bà U khai thống nhất, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Huỳnh Khiết D, sinh ngày 17/6/2016.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng để nuôi con sau khi ly hôn đồng thời cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của mỗi bên nhằm đảm bảo việc nuôi con.

Xét, các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Con chung là cháu D hiện nay đang ở cùng với ông T và bà U, quá trình chung sống, cả ông T và bà U đều là người có tình cảm, trách nhiệm trong việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cho cháu D về mọi mặt; các bên đều cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con sau ly hôn, cụ thể:

Phía ông T nộp cho Tòa án Hợp đồng cho thuê căn nhà số 2B, đường Đ, Phường K, Quận Q ghi ngày 01/6/2019 kèm theo sao kê tài khoản ngân hàng, Hợp đồng giảng dạy tại Hoa văn thương mại Thành phố kèm theo phiếu chi lương và các Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Công ty trách nhiệm hữu hạn Edge Up, cho thấy thu nhập trung bình (trong 03 tháng liền kề 11, 12/2019 và 01/2020) của ông T vào khoảng 26.000.000 đồng; phía bà U nộp cho Tòa án Hợp đồng lao động ngày 01/5/2019, vị trí Trưởng phòng nhân sự tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P kèm theo Bảng xác nhận lương và Hợp đồng đại lý bảo hiểm nhân thọ ngày 24/01/2018 với Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife kèm sao kê tài khoản ngân hàng, cho thấy thu nhập trung bình (trong 03 tháng liền kề 12/2019 và 01, 02/2020) của bà U vào khoảng 32.000.000 đồng; xét, thu nhập của ông T và bà U là tương đương và đủ khả năng lo cho cuộc sống, học tập của con chung. Tuy nhiên, do cháu D hiện còn rất nhỏ, tính đến thời điểm xét xử vụ án cháu D chỉ hơn 4 tuổi nên cần có sự gần gũi, quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn trong những năm tháng đầu đời để trẻ có điều kiện phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần; vì vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giao con chung cho bà U nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp, do đó cần chấp nhận và giao cháu D cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Ông T và bà U trình bày thống nhất tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về nợ chung: Ông T và bà U thống nhất không có.

[3] Về án phí:

- Ông Huỳnh Hằng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hằng T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Hằng T được ly hôn với bà Trần Mỹ U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2010 ngày 06/8/2010 do Ủy ban nhân dân Phường K, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

Về con chung: Bà Trần Mỹ U được nuôi con chung là Huỳnh Khiết D, sinh ngày 17/6/2016;

Về cấp dưỡng: Ông T không phải cấp dưỡng để nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T và bà U tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Hằng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0065339 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái

